TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đinh Văn Tân
2. Bà Quách Thị Tình

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị L; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

-*Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình L; Sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cao Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/04/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được 05 tháng thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên chưa có nhiều thời gian tìm hiểu kỹ về nhau nên khi về chung sống thì luôn sảy ra bất đồng, cãi cọ. Vợ chồng đã cố gắng chịu đựng để bố mẹ hai bên không phải phiền lòng nhưng tình trạng trên kéo dài khiến cho cả 2 vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2019 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Nguyễn Đình L để nộp bản tự khai nhưng anh L không có mặt nên không có lời khai của anh L trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xử nhận định:

[1]. Sau khi nhận đơn khởi kiện của chị Cao Thị L, Tòa án đã thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn hòa giải viên cho chị L theo khoản 3 Điều 16 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Chị L đã có văn bản đồng ý về việc lựa chọn hòa giải theo Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án nên Tòa án đã chuyển vụ việc sang Hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2]. Do anh L không có mặt tại các phiên hòa giải nên Hòa giải viên đã lập biên bản kết thúc việc hòa giải và chuyển hồ sơ vụ việc sang Tòa án để giải quyết theo thủ tục Tố tụng dân sự.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh L không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Nguyên đơn là chị Cao Thị L có đơn đề nghị không tiếp tục tiến hành hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, chị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh L.

[6]. Về hôn nhân: Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Đình L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/04/2018 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận được 05 tháng thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trước khi kêt hôn, vợ chồng chưa có nhiều thời gian tìm hiểu kỹ về nhau nên khi về chung sống thì vợ chồng luôn bất đồng và thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Hiện tại, chị L và anh L đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Việc này, cũng đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Cao Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình L.

[7]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình L.

2. Về án phí: Chị Cao Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2021/0008130, ngày 04/10/2023. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Cao Thị L và anh Nguyễn Đình L. Chị L và anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc